

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: 140/CN-CBT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sóc Trăng, ngày 10 tháng 03 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Cấp Nước Sóc Trăng thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG**

- Mã chứng khoán: **STW**
- Địa chỉ: Số 16 Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, TP.Sóc Trăng
- Điện thoại liên hệ/Tel: 02993 820943
- Email: info@soctrangwaco.vn. Website: www.soctrangwaco.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2024
 - ☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - ☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - ☒ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

☐ Có☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

☐ Có☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:



☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 10.../ 03 / 2025 tại đường dẫn: <http://www.soctrangwaco.vn/bao-mat/danh-muc-bao-cau-dinh-ky.aspx>.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2024;
- Văn bản giải trình 139/CV-CT

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Dặng Văn Ngộ



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	14 - 32
8. Phụ lục	33 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định 1504/QĐ.UBND ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt phương án và cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200107297, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 12 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 31 tháng 5 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Điện thoại : 0299 3 820 943
- Fax : 0299 3 821 278

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng – Xí nghiệp sản xuất nước đóng chai Sotraco	Đường D4. KCN An Nghiệp, phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp sửa chữa	Đường D4. KCN An Nghiệp, phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp nước Trần Đề	Ấp Giồng Giữa, thị trấn Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Ngã Năm	Đường Mai Thanh Thế, thị trấn Ngã Năm, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Long Phú	Ấp 3, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Vĩnh Châu	Đường 30/4, phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Đại Ngãi	908 ấp Ngãi Hội 1, thị trấn Đại Ngãi, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Mỹ Xuyên	141 Lê Lợi, thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Kế Sách	Đường Phạm Văn Hùng, ấp An Thành, thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Phú Lợi	180 Phú Lợi, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Nguyễn Chí Thanh	16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Mỹ Tú	Ấp Cầu Đồn, thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Thạnh Trị	Đường Nguyễn Huệ, ấp 3, thị trấn Phú Lộc, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Sản xuất nước uống đóng chai.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Anh Hòa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2024
	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2024
Ông Nguyễn Quang Mãi	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2024
Ông Đặng Văn Ngọ	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2024
Ông Ong Hải Phước	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2024
Ông Nguyễn Trọng Kiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2024
Ông Dương Ngô Hiệp	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2024

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hoài Bảo Khánh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2024
Ông Vũ Tiến Bộ	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2024
Ông Nguyễn Trọng Kiên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2024
Ông Trần Thanh Nhân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2024
Ông Nguyễn Minh Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2024

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đặng Văn Ngọ	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2024
Ông Nguyễn Quang Mãi	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2024
Ông Ong Hải Phước	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2024
Ông Trần Anh Hòa	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2024

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Trần Anh Hòa	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2024
Ông Đặng Văn Ngọ	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2024

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Đặng Văn Ngộ
Tổng Giám đốc

Ngày 05 tháng 3 năm 2025

Số: 4.0070/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 05 tháng 3 năm 2025, từ trang 07 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty điều chỉnh sai sót theo kết luận tại Biên bản Thanh tra tỉnh Sóc Trăng số 83/KL-TTr ngày 26 tháng 11 năm 2024 trong năm 2024 (xem các thuyết minh số V.9, V.13 và V.17a trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính). Nếu các sai sót này được điều chỉnh hồi tố theo hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 29 - Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót thì số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 sẽ thay đổi như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu đang trình bày	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh hồi tố
Bảng cân đối kế toán				
Tài sản cố định hữu hình	221	83.195.687.144	26.207.881.201	109.403.568.345
Nguyên giá	222	499.156.284.513	31.576.182.068	530.732.466.581
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(415.960.597.369)	(5.368.300.867)	(421.328.898.236)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2.927.561.906	12.566.271.491	15.493.833.397
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	80.976.104.073	13.641.609.710	94.617.713.783

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu đang trình bày	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh hồi tố
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Giá vốn hàng bán	11	107.421.178.603	3.054.720.977	110.475.899.580
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	55.659.864.179	(3.054.720.977)	52.605.143.202
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	57.059.589.014	(3.054.720.977)	54.004.868.037
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.558.002.050	5.246.008.623	11.804.010.673
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	50.501.586.964	(8.300.729.600)	42.200.857.364
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.642	(523)	2.119
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	2.642	(523)	2.119

Ngoài ra, Công ty điều chỉnh sai sót về chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước với tổng số tiền 7.092.514.693 VND (xem thuyết minh số V.13 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính). Nếu chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận hồi tố thì trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay” (mã số 51) sẽ giảm 7.092.514.693 VND làm cho lợi nhuận sau thuế năm nay tăng lên một khoản tương ứng.

Công ty đã có thông báo về chi trả cổ tức cho các cổ đông theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024 và Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024 với tổng số tiền là 41.624.860.992 VND (xem thuyết minh số V.17d trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính). Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã chi trả cổ tức cho các cổ đông là 14.605.681.287 VND, cổ tức còn phải trả với số tiền 27.019.179.705 VND chưa được Công ty ghi giảm chi tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” (mã số 421) và tăng chi tiêu “Phải trả ngắn hạn khác” (mã số 319).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Cần Thơ



Nguyễn Quốc Ngữ

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3089-2025-008-1

Người được ủy quyền



Thiều Thị Bảo Nhi

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4695-2024-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 05 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		141.751.884.297	163.988.048.915
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	37.874.177.181	7.527.273.911
1. Tiền	111		10.874.177.181	7.527.273.911
2. Các khoản tương đương tiền	112		27.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		65.000.000.000	127.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	65.000.000.000	127.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.346.594.894	18.843.254.305
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	11.980.440.803	11.791.309.141
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	11.335.403.491	4.367.450.084
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2.503.771.601	3.886.338.045
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.473.021.001)	(1.201.842.965)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		14.531.112.222	10.616.805.526
1. Hàng tồn kho	141	V.7	14.531.112.222	10.616.805.526
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	715.173
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	715.173
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		165.507.682.802	109.177.685.409
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		96.569.093.594	83.195.687.144
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	96.569.093.594	83.195.687.144
- Nguyên giá	222		542.822.982.294	499.156.284.513
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(446.253.888.700)	(415.960.597.369)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.675.756.442	804.681.577
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	1.675.756.442	804.681.577
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		67.064.000.000	25.064.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	12.064.000.000	12.064.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	55.000.000.000	13.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		198.832.766	113.316.688
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	198.832.766	113.316.688
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		307.259.567.099	273.165.734.324

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		34.401.469.093	33.558.300.251
I. Nợ ngắn hạn	310		33.503.279.723	32.687.110.881
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	3.884.842.409	9.759.639.785
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	17.625.452	186.975.451
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	5.245.110.631	2.927.561.906
4. Phải trả người lao động	314	V.14	13.906.126.239	13.193.303.878
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	1.321.143.675	6.619.251.187
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	9.128.431.317	378.674
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		898.189.370	871.189.370
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	898.189.370	871.189.370
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		272.858.098.006	239.607.434.073
I. Vốn chủ sở hữu	410		272.858.098.006	239.607.434.073
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.17a	158.631.330.000	158.631.330.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		158.631.330.000	158.631.330.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.17a	24.292.828.144	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.17a	89.933.939.862	80.976.104.073
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		27.019.179.705	80.976.104.073
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		62.914.760.157	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		307.259.567.099	273.165.734.324

Võ Thị Phương Diệu
Kế toán trưởng/Người lập

Sóc Trăng, ngày 05 tháng 3 năm 2025

Đặng Văn Ngộ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	220.089.037.479	210.960.201.679
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		220.089.037.479	210.960.201.679
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	115.463.848.983	107.421.178.603
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		104.625.188.496	103.539.023.076
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	13.018.794.678	6.418.614.627
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	25.291.914.553	27.156.245.328
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	32.133.137.795	27.141.528.196
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		60.218.930.826	55.659.864.179
11. Thu nhập khác	31	VI.6	7.705.548.427	1.787.654.278
12. Chi phí khác	32	VI.7	5.861.261.985	387.929.443
13. Lợi nhuận khác	40		1.844.286.442	1.399.724.835
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		62.063.217.268	57.059.589.014
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	21.043.484.317	6.558.002.050
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		41.019.732.951	50.501.586.964
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8a	2.146	2.642
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8a	2.146	2.642

Võ Thị Phương Diệu
Kế toán trưởng/Người lập

Sóc Trăng, ngày 05 tháng 3 năm 2025

Đặng Văn Ngộ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		254.319.305.496	241.761.423.577
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(97.371.139.994)	(86.380.073.791)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(46.987.376.263)	(43.669.326.195)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.13	(24.281.297.213)	(9.211.067.084)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		152.928.403.176	214.938.002.376
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(209.258.993.860)	(255.450.517.015)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		29.348.901.342	61.988.441.868
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(17.818.870.358)	(12.569.177.073)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(150.000.000.000)	(153.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		170.000.000.000	85.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	13.422.553.573	2.923.049.562
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		15.603.683.215	(77.646.127.511)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17d	(14.605.681.287)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(14.605.681.287)</i>	<i>-</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>		<i>30.346.903.270</i>	<i>(15.657.685.643)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	<i>V.1</i>	<i>7.527.273.911</i>	<i>23.184.959.554</i>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	<i>70</i>	<i>V.1</i>	<i>37.874.177.181</i>	<i>7.527.273.911</i>


Võ Thị Phương Diệu
Kế toán trưởng/Người lập

Sóc Trăng, ngày 05 tháng 3 năm 2025


Đặng Văn Ngộ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Sản xuất nước uống đóng chai.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước Sóc Trăng có trụ sở chính tại đường D4, khu công nghiệp An Nghiệp, phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là khai thác, xử lý và cung cấp nước; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 29%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty có Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng – Xí nghiệp sản xuất nước đóng chai Sotraco tại địa chỉ đường D4, khu công nghiệp An Nghiệp, phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 296 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 289 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu chỉ có chi phí công cụ, dụng cụ. Chi phí trả trước này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 08

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Năm nay</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định khác	03 - 05

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp nước sạch

Doanh thu cung cấp nước sạch được ghi nhận vào từng kỳ (mỗi tháng) dựa trên khối lượng nước (m³) mà khách hàng đã tiêu dùng (chỉ số đồng hồ nước cuối kỳ trừ chỉ số đồng hồ nước đầu kỳ) nhân với đơn giá nước định mức lũy tiến đối với hộ dân cư, đối với các khách hàng còn lại áp dụng đơn giá cố định được công ty công bố theo từng thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy sản phẩm, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ gồm thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	241.560.842	3.556.847.378
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.632.616.339	3.970.426.533
Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	27.000.000.000	-
Cộng	37.874.177.181	7.527.273.911

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty gồm có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	65.000.000.000	65.000.000.000	127.000.000.000	127.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	65.000.000.000	65.000.000.000	127.000.000.000	127.000.000.000
Dài hạn	55.000.000.000	55.000.000.000	13.000.000.000	13.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	55.000.000.000	55.000.000.000	13.000.000.000	13.000.000.000
Cộng	120.000.000.000	120.000.000.000	140.000.000.000	140.000.000.000

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 18 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Sóc Trăng, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín - Chi nhánh Cần Thơ - Phòng Giao dịch Bình Thủy và Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Sóc Trăng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Nước Sóc Trăng ⁽ⁱ⁾	12.064.000.000	-	12.064.000.000	-
Cộng	12.064.000.000	-	12.064.000.000	-

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200680885 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 10 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 7 tháng 4 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước Sóc Trăng 12.064.000.000 VND, tương đương 29% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 12.064.000.000 VND, tương đương 29% vốn điều lệ (số đầu năm là 12.064.000.000 VND, tương đương 29% vốn điều lệ).

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với công ty liên kết

Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty Cổ phần Nước Sóc Trăng là công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua nước sạch	16.153.179.056	16.227.851.024
Mua điện	9.940.292	19.996.797
Doanh thu lắp đặt	-	700.938
Bán nước đóng chai	1.996.000	1.523.401
Cổ tức được chia	977.184.000	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan	-	110.000
Công ty Cổ phần Nước Sóc Trăng	-	110.000
Phải thu các khách hàng khác	11.980.440.803	11.791.199.141
Phải thu khách hàng tiền nước sạch	9.296.794.298	9.555.612.937
Phải thu khách hàng tiền lắp đặt	2.427.082.505	1.951.542.704
Phải thu khách hàng tiền nước đóng chai	256.564.000	284.043.500
Cộng	11.980.440.803	11.791.309.141

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Minh Thành Group	5.690.533.250	3.414.319.950
Công ty TNHH Dịch vụ và Công nghệ môi trường Tân Tiến	1.679.730.000	-
Công ty TNHH Việt Thanh Sơn	1.384.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	2.581.140.241	953.130.134
Cộng	11.335.403.491	4.367.450.084

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	2.064.756.163	-	3.468.865.754	-
Thuế thu nhập cá nhân phải thu của người lao động	432.752.227	-	84.324.653	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6.263.211	-	333.147.638	-
Cộng	2.503.771.601	-	3.886.338.045	-

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các tổ chức và cá nhân khác						
Công ty TNHH Kỹ thuật Mặt Trời Đỏ - Phải thu tiền bán hàng	Từ 1 năm đến trên 3 năm	313.409.300	105.826.050	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	313.409.300	152.235.150
Ban Quản lý Dự án khắc phục sạt lở bờ sông trên địa bàn huyện Kế Sách - Phải thu tiền bán hàng	-	-	-	Trên 3 năm	8.463.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Sóc Trăng - Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	102.572.474	-	Trên 3 năm	102.572.474	-
Công ty Cổ Phần Hà Đô 1 - Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	384.571.700	-	Từ 2 năm đến trên 3 năm	384.571.700	15.485.850
Công ty TNHH Xây dựng Công trình Hùng Vương - Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	94.239.500	-	Trên 3 năm	94.239.500	-
Phải thu các khách hàng khác	Từ 6 tháng đến dưới 3 năm	958.399.291	274.345.214	Từ 6 tháng đến dưới 3 năm	941.080.291	474.772.300
Cộng		1.853.192.265	380.171.264		1.844.336.265	642.493.300

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.201.842.965	653.045.929
Trích lập dự phòng bổ sung	351.019.730	682.407.018
Xử lý xóa nợ	(79.841.694)	(133.609.982)
Số cuối năm	1.473.021.001	1.201.842.965

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	14.346.048.159	-	10.450.293.898	-
Công cụ, dụng cụ	154.179.709	-	145.687.761	-
Thành phẩm	30.884.354	-	20.823.867	-
Cộng	14.531.112.222	-	10.616.805.526	-

8. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng giảm tài sản cố định trong năm xem tại phụ lục 01 đính kèm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang				
- Công trình tuyến ống đường Phan Văn Chiêu kênh Quán Khuôn	-	1.303.065.494	(1.303.065.494)	-
- Công trình tuyến ống đường tỉnh 937B, Hưng Lợi, Thạnh Trị	-	1.060.020.318	(1.060.020.318)	-
- Công trình hệ thống cấp nước thị trấn Kế Sách	-	973.072.541	(973.072.541)	-
- Công trình hệ thống cấp nước thành phố Sóc Trăng	-	800.340.121	(800.340.121)	-
- Các công trình khác	804.681.577	5.785.836.088	(4.914.761.223)	1.675.756.442
Cộng	804.681.577	9.922.334.562	(9.051.259.697)	1.675.756.442

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.283.142.483	1.507.318.450
Công ty Cổ phần Nước Sóc Trăng	1.283.142.483	1.467.512.530
Công ty Cổ phần Hawaco Miền Nam	-	39.805.920
Phải trả các nhà cung cấp khác	2.601.699.926	8.252.321.335
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cầu đường Việt Nam	1.288.305.429	3.883.960.429
Công ty Cổ Phần Hội ngộ Phương Nam	445.330.913	-
Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường	389.188.800	-
Các nhà cung cấp khác	478.874.784	4.368.360.906
Cộng	3.884.842.409	9.759.639.785

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trường Trung cấp Kỹ năng chuyên nghiệp Nhật Bản	7.406.952	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dịch vụ Hồng Phát	-	56.845.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dầu khí Cửu Long	-	83.658.366
Các khách hàng khác	10.218.500	46.472.085
Cộng	17.625.452	186.975.451

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Nước sinh hoạt	5%
Dịch vụ lắp đặt, bán nước đóng chai và các dịch vụ khác	10%

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	62.063.217.268	57.059.589.014
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	8.668.814.852	985.754.048
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	70.732.032.120	58.045.343.062
Thu nhập được miễn thuế (977.184.000)	-	-
Lỗ các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	69.754.848.120	58.045.343.062
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	13.950.969.624	11.609.068.613

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	-	(5.051.066.563)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	7.092.514.693	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	21.043.484.317	6.558.002.050

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước ngầm và nước mặt dựa vào sản lượng nước khai thác hàng tháng với giá tính thuế 9.156 VND/m³ với mức thuế suất lần lượt là 5% và 1%.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Phí bảo vệ môi trường

Công ty phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 10% trên giá bán của một m³ nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

Tiền lương phải trả người lao động.

15. Phải trả khác

15a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền quỹ bảo vệ và phát triển rừng	296.405.408	290.729.660
Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng - Thu hộ phí bảo vệ môi trường	772.978.267	805.547.600
Tiền viện trợ từ dự án biến đổi khí hậu của Công ty Cổ phần Hà Lan	-	1.868.640.230
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	251.760.000	3.654.333.697
Cộng	1.321.143.675	6.619.251.187

15b. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

15c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	-	5.850.440.211	(3.307.167.000)	2.543.273.211
Quỹ phúc lợi	378.674	8.153.279.430	(1.568.500.000)	6.585.158.104
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	1.054.695.296	(1.054.695.294)	2
Cộng	378.674	15.058.414.937	(5.930.362.294)	9.128.431.317

17. Vốn chủ sở hữu**17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	158.631.330.000	-	30.474.517.109	189.105.847.109
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	50.501.586.964	50.501.586.964
Số dư cuối năm trước	158.631.330.000	-	80.976.104.073	239.607.434.073
Số dư đầu năm nay	158.631.330.000	-	80.976.104.073	239.607.434.073
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	41.019.732.951	41.019.732.951
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	24.292.828.144	(39.351.243.081)	(15.058.414.937)
Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm nay	-	-	(14.605.681.287)	(14.605.681.287)
Tăng do Điều chỉnh theo Biên bản thanh tra Tỉnh Sóc Trăng	-	-	20.950.240.385	20.950.240.385
Tăng khác (*)	-	-	944.786.821	944.786.821
Số dư cuối năm nay	158.631.330.000	24.292.828.144	89.933.939.862	272.858.098.006

(*) Điều chỉnh tăng tài sản cố định các năm trước.

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng	77.729.350.000	77.729.350.000
Công ty Cổ phần VBIC Việt Nam	30.132.130.000	12.842.130.000
Bà Nghiêm Thị Lệ Hằng	38.071.520.000	38.071.520.000
Ông Nguyễn Minh Phương	8.014.010.000	25.381.010.000
Các cổ đông khác	4.684.320.000	4.607.320.000
Cộng	158.631.330.000	158.631.330.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng	77.729.350.000	49	77.729.350.000	-
Các cổ đông khác	80.901.980.000	51	80.901.980.000	-
Cộng	158.631.330.000	100	158.631.330.000	-

17c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.863.133	15.863.133
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	15.863.133	15.863.133
- Cổ phiếu phổ thông	15.863.133	15.863.133
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.863.133	15.863.133
- Cổ phiếu phổ thông	15.863.133	15.863.133
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận các năm trước theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024 và Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 41.624.860.992
• Trích lập quỹ đầu tư phát triển	: 24.292.828.144
• Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 14.003.719.641
• Thường cho Ban Tổng Giám đốc và cán bộ chủ chốt	: 1.054.695.296

Và trong năm, Công ty đã chi trả cổ tức cho các cổ đông là 14.605.681.287 VND.

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
Phải thu khách hàng - tiền lắp đặt	1.535.061.740	1.356.703.789	Không có khả năng thu hồi
Cộng	1.535.061.740	1.356.703.789	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp nước sinh hoạt	212.857.672.990	204.362.206.187
Doanh thu lắp đặt bảo dưỡng	2.895.879.578	2.879.975.165
Doanh thu bán nước đóng chai	4.158.286.587	3.697.720.186
Doanh thu khác	177.198.324	20.300.141
Cộng	220.089.037.479	210.960.201.679

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết.

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn nước sinh hoạt đã cung cấp	111.515.002.252	103.462.681.214
Giá vốn lắp đặt, bảo dưỡng	1.516.451.188	1.365.293.084
Giá vốn nước đóng chai đã bán	2.432.395.543	2.593.204.305
Cộng	115.463.848.983	107.421.178.603

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	12.018.443.982	6.391.915.316
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	23.166.696	26.699.311
Cổ tức, lợi nhuận được chia	977.184.000	-
Cộng	13.018.794.678	6.418.614.627

4. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	12.338.632.642	11.564.378.482
Chi phí vật liệu, bao bì	10.050.485.163	11.849.431.961
Chi phí khấu hao tài sản cố định	199.658.448	202.737.045
Các chi phí khác	2.703.138.300	3.539.697.840
Cộng	25.291.914.553	27.156.245.328

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	17.601.360.857	17.114.996.923
Chi phí vật liệu quản lý	2.385.309.747	2.474.006.977
Chi phí đồ dùng văn phòng	442.121.854	523.992.624
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.234.132.746	1.498.390.819
Thuế, phí và lệ phí	42.265.055	52.854.614

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Dự phòng phải thu khó đòi	351.019.730	682.407.018
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.579.545.897	220.569.873
Các chi phí khác	8.497.381.909	4.574.309.348
Cộng	32.133.137.795	27.141.528.196

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Tiền công cúp, mở nước	215.072.049	178.084.515
Xử lý thừa khi kiểm kê	19.744.982	132.876.245
Hoa hồng thu hộ phí thoát nước	665.082.633	324.362.121
Phí bảo vệ môi trường	1.110.689.300	1.071.644.244
Xử lý công nợ các năm trước	5.522.973.927	-
Các khoản thu nhập khác	171.985.536	80.687.153
Cộng	7.705.548.427	1.787.654.278

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Tiền nộp do nhận ký quỹ không đúng quy định	-	144.473.753
Tiền nộp phạt, chậm nộp thuế các năm trước	5.357.941.271	43.555.690
Xử lý chênh lệch vật tư các năm trước	-	199.900.000
Xử lý công nợ các năm trước	318.750.000	-
Chi phí khác	184.570.714	-
Cộng	5.861.261.985	387.929.443

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	41.019.732.951	50.501.586.964
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(6.563.157.272)	(8.057.661.595)
Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát (*)	(410.197.330)	(532.074.480)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	34.046.378.349	41.911.850.889
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	15.863.133	15.863.133
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.146	2.642

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát năm nay được tạm trích theo tỷ lệ của Nghị Quyết số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

8b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 3.184 VND xuống còn 2.642 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	58.535.657.293	57.958.690.312
Chi phí nhân công	55.756.229.162	52.781.083.135
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.924.990.464	24.431.717.544
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.217.337.058	3.975.557.877
Chi phí khác	27.454.687.354	22.571.903.259
Cộng	172.888.901.331	161.718.952.127

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát

	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay			
Ông Trần Anh Hòa - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	479.448.760	267.109.657	746.558.417
Ông Nguyễn Quang Mãi - Nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	281.062.940	139.926.504	420.989.444
Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Chủ tịch Hội đồng quản trị (Đã miễn nhiệm ngày 24 tháng 8 năm 2023)	84.994.200	135.743.349	220.737.549
Ông Đặng Văn Ngo - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	519.939.000	260.109.657	780.048.657
Ông Ong Hải Phước - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	436.748.760	230.703.219	667.451.979
Ông Dương Ngô Hiệp - Thành viên Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2024)	-	126.000.000	126.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Ông Nguyễn Trọng Kiên - Thành viên Hội đồng quản trị	-	220.374.853	220.374.853
Ông Phan Vĩnh Tùng - Thành viên Hội đồng quản trị (Đã miễn nhiệm ngày 24 tháng 8 năm 2023)	-	29.406.438	29.406.438
Ông Nguyễn Hoài Bảo Khánh - Trưởng Ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2024)	83.382.763	140.000.000	223.382.763
Ông Vũ Tiến Bộ - Trưởng Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2024)	-	188.749.706	188.749.706
Ông Nguyễn Minh Phương - Thành viên Ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2024)	-	70.000.000	70.000.000
Ông Trần Thanh Nhân - Thành viên Ban kiểm soát	261.550.345	134.791.618	396.341.963
Bà Liễu Thu Trúc - Thành viên Ban Kiểm soát (Đã miễn nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2023)	-	29.583.235	29.583.235
Cộng	2.147.126.768	1.972.498.236	4.119.625.004
Năm trước			
Ông Nguyễn Quang Mãi - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	440.351.200	250.011.910	690.363.110
Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Chủ tịch Hội đồng quản trị (Đã miễn nhiệm ngày 24 tháng 8 năm 2023)	372.506.000	255.679.238	628.185.238
Ông Đặng Văn Ngộ - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	495.180.000	246.011.910	741.191.910
Ông Trần Anh Hòa - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	415.951.200	246.011.910	661.963.110
Ông Ong Hải Phước - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	415.951.200	72.000.000	487.951.200
Ông Phan Vĩnh Tùng - Thành viên Hội đồng quản trị (Đã miễn nhiệm ngày 24 tháng 8 năm 2023)	-	174.011.910	174.011.910
Ông Vũ Tiến Bộ - Trưởng Ban kiểm soát	-	310.163.221	310.163.221
Bà Liễu Thu Trúc - Thành viên Ban Kiểm soát (Đã miễn nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2023)	-	115.081.611	115.081.611
Ông Nguyễn Trọng Kiên - Thành viên Ban kiểm soát	-	144.118.607	144.118.607
Ông Trần Thanh Nhân - Thành viên Ban kiểm soát	68.724.337	40.000.000	108.724.337
Cộng	2.208.663.937	1.853.090.317	4.061.754.254

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng
Công ty Cổ phần Nước Sóc Trăng

Mối quan hệ

Cổ đông lớn
Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.11.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là lĩnh vực cung cấp nước sinh hoạt. Doanh thu và giá vốn của lĩnh vực này được trình bày tại VI.1 và VI.2.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.



Võ Thị Phương Diệu
Kế toán trưởng/Người lập



Sóc Trăng, ngày 05 tháng 3 năm 2025

Đặng Văn Ngộ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
BẢO CAO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND						
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	112.054.652.678	74.425.845.819	309.905.140.708	2.088.421.047	682.224.261	499.156.284.513
Mua trong năm	-	-	1.947.898.647	-	-	1.947.898.647
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.450.242.920	31.292.532	7.569.724.245	-	-	9.051.259.697
Điều chuyển từ công cụ dụng cụ	-	831.284.477	-	179.750.000	-	1.011.034.477
Tăng khác (*)	-	-	31.656.504.960	-	-	31.656.504.960
Số cuối kỳ	113.504.895.598	75.288.422.828	351.079.268.560	2.268.171.047	682.224.261	542.822.982.294
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	85.391.384.342	43.096.526.855	197.546.362.225	1.538.840.138	682.224.261	328.255.337.821
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	100.160.841.726	60.349.961.774	253.011.022.981	1.756.546.627	682.224.261	415.960.597.369
Khấu hao trong năm	3.525.471.278	4.842.297.020	16.468.422.939	88.799.227	-	24.924.990.464
Tăng khác (*)	-	-	5.368.300.867	-	-	5.368.300.867
Số cuối kỳ	103.686.313.004	65.192.258.794	274.847.746.787	1.845.345.854	682.224.261	446.253.888.700
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	11.893.810.952	14.075.884.045	56.894.117.727	331.874.420	-	83.195.687.144
Số cuối kỳ	9.818.582.594	10.096.164.034	76.231.521.773	422.825.193	-	96.569.093.594
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

(*) Tăng do điều chỉnh các sai sót theo kết luận số 83/KL-TT của Biên bản Thanh tra tình Sóc Trăng ngày 26 tháng 11 năm 2024 với nguyên giá tài sản cố định và hao mòn lũy kế với số tiền lần lượt là 31.576.182.068 VND và 5.368.300.867 VND.



[Signature]

Võ Thị Phương Diệu
Kế toán trưởng/Người lập

Đặng Văn Ngo
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 02: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Tăng khác (*)	Phải nộp	Phải thu
	320.317.167	-	5.871.089.110	(5.931.785.763)	259.620.514	-
Thuế GTGT hàng bán nội địa	883.435.970	715.173	21.043.484.317	(24.281.297.213)	3.118.664.700	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	84.324.653	-	952.479.420	(818.019.989)	218.784.084	-
Thuế thu nhập cá nhân	839.563.057	-	10.336.956.781	(10.333.764.705)	842.755.133	-
Thuế tài nguyên	799.921.059	-	9.996.203.701	(9.990.838.560)	805.286.200	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	42.265.055	(42.265.055)	-	-
Cộng	2.927.561.906	715.173	48.242.478.384	(51.397.971.285)	5.245.110.631	-

Đơn vị tính: VND

(*) Tăng do điều chỉnh các sai sót theo Kết luận số 83/KL-TT của Biên bản Thanh tra tỉnh Sóc Trăng tra tỉnh Sóc Trăng ngày 26 tháng 11 năm 2024.


Võ Thị Phương Diệu
Kế toán trưởng/Người lập


Sóc Trăng, ngày 05 tháng 3 năm 2025
Đặng Văn Ngộ
Tổng Giám đốc

